Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…. / ….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…. / ….

Ngữ pháp: …….

Nghe: …….

GLOBAL ENGLISH 2

Supplementary Grammar

A. GRAMMAR

❖ **Structure: I live in/on ...**

	Dùng cho trường hợp		
I live **in** …	**Thành phố / quốc gia:** • I live in Vietnam. • I live in Hanoi. 	**Tòa nhà / căn hộ:** • I live in an apartment building. 	**Châu lục:** • I live in Asia.
I live **on** …	**Tầng của tòa nhà:** • I live on the first / second / third /… floor. 		

❖ **Structure: like/likes + N**

S + like / likes + N

Khi chủ ngữ là I / you / we / they
→ Dùng **like**
- I like …
- You like …
- We like …
- They like …

Khi chủ ngữ là he / she / it
→ Dùng **likes**
- She likes …
- He likes …
- It likes …

- Khi N là đồ ăn, thức uống:

a. Đếm được (số nhiều): thêm **-s/-es** cho danh từ.
- I like **apples**. 🍎

b. Không đếm được: để nguyên dạng hoặc dùng "**some**".
- I like milk. 🥛
- I like **some** milk.

***Note:** S = subject: chủ ngữ; N = noun: danh từ.*

LIVEWORKSHEETS

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**poster** (n)	tấm áp phích / tranh dán tường	4	**fantastic** (adj)	tuyệt vời
2	**cupboard** (n)	tủ đựng đồ	5	**donkey** (n)	con lừa
3	**baseball cap** (n)	mũ bóng chày			

***Note:** adj = adjective: tính từ; n = noun: danh từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

C. HOMEWORK

Exercise 1. Circle the correct answers. *(Con hãy khoanh tròn đáp án đúng.)*

0. I live ..... Singapore.

(A.) in B. on

1. I live ..... Australia.

A. in B. on

2. I live ..... an apartment.

A. in B. on

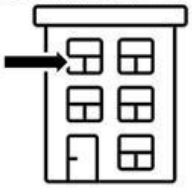

3. I live ..... the third floor.

A. in B. on

4. I live ..... Europe.

A. in B. on

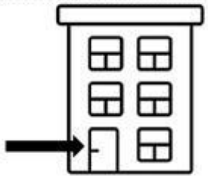

5. I live ..... the first floor.

A. in B. on

Exercise 2. Read the text and write "in" or "on" in each blank.
(Con hãy đọc đoạn văn và điền "in" hoặc "on" vào chỗ trống.)

My Home

Hello! My name is Mai. I live **(0)** ***in*** Hanoi. I live **(1)** ..... Vietnam. My family lives **(2)** ..... an apartment building. We live **(3)** ..... the third floor. I love my home! ❤️

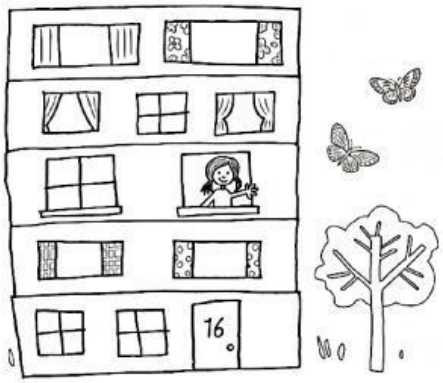

LIVEWORKSHEETS

Exercise 3. Circle the correct answers. *(Con hãy khoanh để chọn đáp án đúng.)*

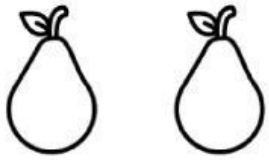 0. He **likes** / **like** pears.	1. He **likes** / **like** strawberries.	2. They **likes** / **like tea**.
3. I **likes** / **like** bananas.	4. We **likes** / **like** carrots.	5. She **likes** / **like** apples.

Exercise 4. Circle A or B to choose the correct sentences.
(Con hãy khoanh tròn A hoặc B để chọn câu đúng.)

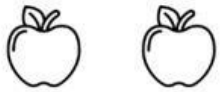	0. A. I like apples. B. I likes apples.
	1. A. She likes oranges. B. She like oranges.
	2. A. He likes milks. B. He likes milk.
	3. A. We like carrots. B. We likes carrots.
	4. A. He like coffee. B. He likes some coffee.
	5. A. I likes banana. B. I like bananas.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s1_w16_t3_p1

Part 1

Listen and draw lines. There is one example.

LIVEWORKSHEETS